

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG. *Công nghệ thông tin và tác động của nó đối với xã hội hiện đại (phân tích triết học xã hội)*

*Chuyên ngành: CNDVBC & DVLS*

*Mã số: 62 22 80 05*

Công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những ngành công nghệ mũi nhọn của xã hội hiện đại. Sự phát triển của CNTT trong những thập niên gần đây đã làm biến đổi sâu sắc bộ mặt của thế giới. Bên cạnh những thành tựu kỳ diệu mà CNTT mang lại cho con người, bản thân CNTT và những hệ quả của việc ứng dụng nó cũng đang đặt nhân loại trước những thách thức to lớn. Để đánh giá đúng được ý nghĩa của những tiến bộ trong CNTT đối với sự phát triển kinh tế nói riêng và sự phát triển của xã hội Việt Nam nói chung, thì bên cạnh cách tiếp cận nghiên cứu CNTT dưới góc độ kỹ thuật-công nghệ cần phải có cách tiếp cận dưới góc độ triết học xã hội. Nội dung luận án tiến sĩ của NCS. Nguyễn Thị Lan Hương phần nào đó thoả mãn được yêu cầu đặt ra trên.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm ba chương, tám tiết.

Chương 1, *Thông tin và công nghệ thông tin* (tr.13-64). Tác giả phân tích làm rõ một số khái niệm cơ bản như *thông tin, tri thức, công nghệ, công nghệ thông tin*, chỉ ra những tiền đề khoa học-kỹ thuật và kinh tế-xã hội của sự xuất hiện CNTT hiện đại, thực chất, xu

thế phát triển của CNTT hiện đại, những đặc điểm, vai trò và ý nghĩa triết học của CNTT hiện đại. Theo tác giả, CNTT hiện đại hoạt động trên cơ sở của loại máy móc thông minh, xử lý thông tin mô phỏng theo cơ chế của bộ não người. Khả năng xâm nhập vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội của CNTT đã tạo ra những biến đổi mạnh mẽ trong các hoạt động cơ bản của con người. CNTT ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng. Trong lĩnh vực sản xuất vật chất, CNTT đóng vai trò cột trụ trong hệ thống các công nghệ cao, là nhân tố quyết định việc hình thành lực lượng sản xuất mới, tạo ra một sự nhảy vọt trong phương thức sản xuất xã hội. Trong lĩnh vực tinh thần của xã hội, CNTT đã kích thích sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa, nâng cao chất lượng tiêu thụ sản phẩm văn hóa tinh thần, từ đó góp phần làm thay đổi nhận thức, hình thành những giá trị văn hóa mới phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Thực chất của CNTT hiện đại là sự cải biến cách thức làm việc của con người với thông tin. Sự cải biến này đã tạo ra bước cải biến mang tính cách mạng trong toàn bộ hệ thống công nghệ hiện đại, làm thay đổi cách thức sản xuất vật chất của con người, tác động sâu sắc đến toàn bộ các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Phân tích ý nghĩa triết học của CNTT hiện đại, tác giả cho rằng, việc phát hiện ra thông tin với tư cách là một thuộc tính vốn có, một hình thức tồn tại cơ bản của thế giới vật chất, đã góp phần khẳng định tính thống nhất

vật chất của thế giới; Với CNTT hiện đại, luận điểm thế giới là có thể nhận thức được một lần nữa được khẳng định ở mức độ mới. Nhờ các công cụ thông minh, “nối dài bộ não, trí tuệ” của mình, con người ngày càng nhận thức được thế giới một cách đầy đủ, toàn diện hơn và sâu sắc hơn. Đồng thời CNTT góp phần cải thiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên (từ quan hệ tước đoạt sang quan hệ đồng tiến hóa); góp phần làm thay đổi mối quan hệ giữa con người với con người (từ cách biệt sang thông hiểu lẫn nhau và dễ dàng tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn nạn mà nhân loại đang phải đối mặt).

Chương 2, *Tác động của công nghệ thông tin đối với xã hội hiện đại* (tr. 65-128). Theo tác giả, sự tác động của CNTT hiện đại đến xã hội không phải là đơn tuyến, một chiều mà là sự tác động toàn diện và sâu sắc, theo cả chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực. Đó không chỉ là sự tác động dẫn đến những thay đổi căn bản trong lĩnh vực kinh tế, mà còn là những thay đổi quan trọng trong lĩnh vực chính trị, văn hóa tinh thần, tức là những thay đổi từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc của xã hội hiện đại. Trong lĩnh vực kinh tế, CNTT là nền tảng trực tiếp, là động lực trong việc tạo dựng nền kinh tế tri thức; là nhân tố phát huy vai trò ngày càng cao của tri thức.

Dưới góc độ triết học, có thể thấy sự tác động của CNTT tới lực lượng sản xuất (công cụ lao động, người lao động và lao động), đến quan hệ sản xuất (những thay đổi trong quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối sản phẩm). Tác giả cho rằng, nhờ CNTT, trí năng đang trở thành nguồn năng lượng chủ yếu của công nghệ. CNTT góp phần biến “tri

thức xã hội phổ biến” trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Sở dĩ như vậy là vì ngày nay tri thức khoa học được vật thể hoá thành các công cụ, máy móc tinh vi, hiện đại... CNTT trở thành công cụ đắc lực của giáo dục, đào tạo và tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất.

CNTT góp phần làm biến đổi sâu sắc sự phân công lao động xã hội, đang làm thu hẹp dần khoảng cách giữa lao động chân tay với lao động trí óc và ngày càng tăng hàm lượng lao động trí óc. CNTT góp phần làm biến đổi nội dung và tính chất của lao động, lao động ngày càng được hoàn thiện hơn và ngày càng mang tính xã hội hoá sâu sắc.

Tóm lại, dưới tác động của CNTT phương thức sản xuất vật chất của xã hội đã có những thay đổi sâu sắc, cơ bản, trước tiên là sự thay đổi về lực lượng sản xuất và từ đó dẫn đến sự thay đổi nội dung, tính chất của lao động và phân công lao động xã hội, và cùng với nó là sự thay đổi của quan hệ sản xuất trong xã hội hiện đại.

Về chính trị, CNTT đang góp phần tạo ra những biến đổi liên quan đến dân chủ, bình đẳng và quyền lực chính trị. Nhờ CNTT, đặc biệt là Internet và truyền thông, viễn thông, dân chủ trực tiếp đang trở thành hình thức chủ yếu của đời sống chính trị; tạo điều kiện lấp dần hố ngăn cách bất bình đẳng về thu nhập, chính trị, giới, kinh tế, quốc phòng an ninh và văn hoá tinh thần trên cả bình diện quốc gia và quốc tế. Dưới tác động của CNTT, quyền lực của cả nhà nước và công dân đều được nâng lên, song tác giả cũng lưu ý, nếu không có đủ trình độ quản lý thì sự phổ cập CNTT có thể dẫn đến nguy cơ mất trật tự, tình trạng vô chính phủ trong xã hội.

Bên cạnh đó, tác động của CNTT đang dẫn đến những biến đổi sâu sắc về

nhận thức, về đạo đức và lối sống của con người hiện đại. Nó làm thay đổi cách nhìn nhận của con người đối với thế giới, thay đổi mối quan hệ giữa con người với con người. Phương thức tư duy của con người chuyển từ lối tư duy đơn tuyến sang lối tư duy đa tuyến, mang tính hệ thống hoá, khái quát hoá, linh hoạt, uyển chuyển với tốc độ cao...

Trong lĩnh vực đạo đức, CNTT đã và đang làm nảy sinh những vấn đề liên quan đến trách nhiệm đạo đức của người tham gia vào quá trình thông tin, cụ thể là trách nhiệm của người sáng tạo và sử dụng thông tin. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến sự biến đổi của phạm trù trách nhiệm. Trong phạm vi của lối sống, CNTT tạo ra những biến đổi lớn - vừa cá nhân hoá vừa cộng đồng hoá các quan hệ giữa người với người theo những sắc thái mới, góp phần tạo ra những thay đổi trong quan niệm, chuẩn mực, giá trị sống; tạo ra những biến đổi trong văn hoá truyền thống của mỗi dân tộc. Ngoài ra CNTT còn có tác động mạnh mẽ trong các lĩnh vực như văn hoá nghệ thuật (từ sáng tác, biểu diễn đến thưởng thức nghệ thuật).

Chương 3, *Tác động của công nghệ thông tin đến Việt Nam - thực trạng và giải pháp* (tr.129-179). Theo tác giả, tuy mới du nhập vào Việt Nam nhưng CNTT đã tác động đáng kể lên những hoạt động cơ bản của xã hội. Nhờ ứng dụng và phát triển CNTT mà Việt Nam có được cơ hội thuận lợi cho xây dựng nền kinh tế tri thức và hội nhập tốt vào nền kinh tế toàn cầu, tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp tục quá trình dân chủ hoá sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội, thực hiện quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin và tăng cường sức mạnh cho công tác quốc phòng an ninh; tạo điều kiện cho Việt Nam có cơ hội lưu giữ,

bảo tồn và truyền bá các di sản văn hoá, thúc đẩy giao lưu văn hoá. Bên cạnh đó, sự phát triển CNTT cũng đặt ra những thách thức nhất định cho mỗi nước nói chung và cho Việt Nam nói riêng.

Trên cơ sở những phân tích trên, tác giả đề xuất phương hướng và những nhóm giải pháp chủ yếu nhằm phát triển CNTT trong tình hình cụ thể của Việt Nam, bao gồm các giải pháp về kinh tế-kỹ thuật, về chính trị-pháp luật và về văn hoá-giáo dục, như sau:

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại, đồng thời phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho CNTT;
- Xây dựng các bộ luật qui định việc sáng tạo và sử dụng CNTT nhằm đảm bảo CNTT thực sự trở thành công cụ cho phát triển kinh tế, xã hội;
- Hiện đại hoá công cụ quản lý nhà nước, trong đó lấy trọng tâm là tin học hoá công tác quản lý nhà nước.
- Giáo dục kỹ năng sử dụng và nắm bắt tri thức công nghệ cho mọi người dân;
- Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật trong sáng tạo và sử dụng CNTT cũng như trong quá trình tham gia hoạt động thông tin,
- Giáo dục ý thức đạo đức và lối sống nhằm trang bị cho con người tri thức khoa học xã hội và nhân văn để từ đó họ có thể ứng phó với những thách thức về mặt tinh thần. Con người trong thời đại công nghệ cao phải có khả năng phân biệt được hành vi thiện và ác khi tiếp cận và sử dụng công nghệ.

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Nhà nước, họp tại Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 9/2008.

**HẠ VÂN**  
giới thiệu